

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN HỌC NGHỀ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. KIỀU THỊ KIỀU THANH*

Đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) là một hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức (ĐĐ) xã hội nhưng *phù hợp với đặc điểm của mỗi loại nghề*. ĐĐNN phản ánh bộ mặt nhân cách của người lao động và trở thành động lực phát triển nhân cách, các năng lực chung và năng lực nghề nghiệp; qua đó làm tăng năng suất, hiệu quả hoạt động nghề nghiệp và hoạt động xã hội của mỗi người.

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng châu thổ màu mỡ, mang giá trị văn hóa vật chất và tinh thần phong phú với một bản sắc rất riêng. Bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp (như: năng động sáng tạo, yêu nước nồng nàn, hào phóng hiếu khách, bộc trực thẳng thắn, trọng nhân nghĩa,...), con người nơi đây cũng bộc lộ những hạn chế trong lối sống, phong cách như: ý thức kỉ luật trong lao động chưa cao; kém thích nghi với tác phong công nghiệp hiện đại,... Vì thế việc giáo dục các giá trị ĐĐ cho sinh viên (SV) học nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long là hết sức cần thiết và có ý nghĩa to lớn nhằm hình thành những phẩm chất ĐĐ, tạo ra sự đồng bộ giữa tri thức ĐĐ, niềm tin ĐĐ, hành vi và thói quen ĐĐNN nhằm hình thành những người lao động mới, những công nhân, kĩ thuật viên, thợ lành nghề có ĐĐ, lương tâm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH.

1. Giáo dục giá trị ĐĐNN

Giáo dục giá trị bao gồm một hệ thống các tác động sư phạm có mục đích, có tổ chức với những kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp cụ thể nhằm hình thành ở người được giáo dục một hệ thống các giá trị xã hội. Tuy nhiên, trong các nhà trường, việc giáo dục giá trị không phải là một quá trình tác động một chiều mà là sự tác động qua lại một cách biện chứng giữa người dạy (đóng vai trò chủ đạo, tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động tích cực của người học) và người học (giữ vai trò chủ động, tự giác, tích cực tham gia vào các hoạt động đa dạng để tiếp thu, trải nghiệm các giá trị xã hội). Sự tương tác này là

nét đặc trưng cơ bản của quá trình giáo dục giá trị nói chung và giáo dục giá trị ĐĐ, ĐĐNN nói riêng.

Như vậy, giáo dục giá trị ĐĐ là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực ĐĐ - từ những đòi hỏi bên ngoài xã hội đối với cá nhân thành những yêu cầu bên trong thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục; và giáo dục giá trị ĐĐNN cho SV là tạo điều kiện để nhân cách của mỗi em phát triển đúng đắn về mặt ĐĐ trong nghề nghiệp của mình cũng như trong lao động sản xuất.

2. Nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV học nghề

1) Hình thành tri thức ĐĐNN cơ bản như: tinh thần tập thể, tinh thần quốc tế, lòng yêu nước, lòng nhân ái, thái độ lao động,... Đó là hệ thống các chuẩn mực, quy định, quy tắc của nghề nghiệp, phẩm chất ĐĐ người lao động mới trong thời kì CNH, HĐH. Những nội dung này cần được các trường dạy nghề quán triệt và đưa vào trong nội dung giảng dạy của các môn học nhằm trang bị cho người học nghề có đầy đủ tri thức, giúp họ sẵn sàng đi vào cuộc sống lao động nghề nghiệp sau này.

Tri thức ĐĐNN giúp SV học nghề có định hướng, có những hành vi ĐĐNN và có các hành vi chuẩn mực trong ứng xử. Tuy nhiên, cần phân biệt việc hiểu tri thức ĐĐ khác với việc "học thuộc lòng" một cách hình thức các chuẩn mực và nguyên tắc ĐĐ.

2) Hình thành niềm tin, nhu cầu, động cơ ĐĐNN. Niềm tin ĐĐNN là sự tin tưởng một cách sâu sắc, vững chắc vào tính chính nghĩa và tính chân lí của các chuẩn mực ĐĐ cũng như sự thừa nhận tính tất yếu cần phải tôn trọng triệt để các chuẩn mực ấy; là một trong những yếu tố quyết định hành vi ĐĐ của con người đồng thời cũng là cơ sở để bộc lộ các phẩm chất ý chí của ĐĐ như lòng dũng cảm, tinh kiên trì, kiên quyết đấu tranh với cái xấu,... Niềm tin ĐĐNN phụ thuộc nhiều vào việc trang bị các tri thức ĐĐ, sự thể nghiệm những hiểu biết trong cuộc sống và trong

* Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ

sinh hoạt, việc tổ chức giáo dục của gia đình, tập thể, xã hội,... **Động cơ ĐĐ** chính là nguyên nhân sâu xa, "bên trong" đã được con người ý thức, trở thành động lực chính làm cơ sở cho hành động của con người trong các mối quan hệ xã hội, biến hành động của con người thành hành vi ĐĐ. Vì vậy, việc hình thành và giáo dục ĐĐ cho SV học nghề không những nhằm trang bị, rèn luyện tri thức, niềm tin ĐĐ mà còn cần tạo dựng được các động cơ ĐĐ vững vàng ở họ. **Nhu cầu ĐĐ** là những mong muốn, đòi hỏi của cá nhân về các hành vi ĐĐ đối với hành vi các cá nhân khác và của chính mình trong các mối quan hệ xã hội (như: thái độ ân cần, sự chu đáo, lòng trắc ẩn,...); được xem như là một loại động cơ thúc đẩy và điều chỉnh hành vi của cá nhân. Nhu cầu ĐĐ nằm trong hệ thống nhu cầu của cá nhân, trong điều kiện nhất định sẽ được thể hiện rõ và dần xác định được đối tượng (con người, công việc, thái độ,... cụ thể) để thỏa mãn nhu cầu đó.

3) Hình thành hành vi và thói quen ĐĐNN. **Hành vi ĐĐ** là một hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về ĐĐ (ví dụ, trong trường học, học sinh phải kính thầy, yêu bạn; trung thực trong học tập, không quay cóp,...). Trong quan hệ hàng ngày, hành vi ĐĐ cần được "tự động hóa", luôn được "sẵn sàng" - tức là trở thành thói quen ĐĐ.

Thói quen ĐĐ là những hành vi ĐĐ ổn định của con người, đã trở thành "nhu cầu ĐĐ" của người đó. Nếu nhu cầu này được thỏa mãn, con người cảm thấy dễ chịu, qua đó thúc đẩy hành vi ĐĐ của con người. Vì vậy, các trường nghề cần giáo dục, rèn luyện cho SV có được những thói quen ĐĐ và biến những thói quen đó trở thành phẩm chất ĐĐ, thành những nét tính cách của các em. Thói quen ĐĐ trong nghề nghiệp sẽ là yếu tố nối liền giữa ý thức, tri thức ĐĐNN và hành vi ĐĐNN, làm cho hành vi ĐĐ và tri thức ĐĐ thống nhất, ăn khớp với nhau. Muốn có thói quen ĐĐ, các trường cần tổ chức các hoạt động học tập, lao động, thực hành, thực tập nghề nghiệp làm cho hành vi ĐĐ được lặp đi lặp lại nhiều lần một cách có hệ thống. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực của cả các cơ sở dạy nghề cũng như bản thân SV phải có những hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực ĐĐ của nghề nghiệp, có niềm tin ĐĐ vững bền, có nhu cầu và động cơ ĐĐNN cao cả, trong sáng.

3. Một số yêu cầu trong giáo dục ĐĐNN cho SV học nghề

1) Đối với hoạt động giảng dạy: cần vận dụng, phối hợp một cách hợp lý các kiểu phương pháp dạy học với nhau (như: thuyết trình, nêu vấn đề - nghiên cứu, vấn đáp, quan sát, ...), trong đó phương pháp

nêu vấn đề - nghiên cứu và quan sát giữ vai trò hết sức quan trọng. Thông qua việc thuyết trình bài giảng, giảng viên tạo ra các mâu thuẫn, đưa SV vào các tình huống phải nhận thức, suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo. Bằng nỗ lực của chính mình, SV tự mình chiếm lĩnh những kiến thức và vận dụng những kiến thức đó vào trong thực tế. Đây chính là người thầy đã dạy cho SV cách học, còn SV học cách học, tôn trọng cách học.

2) Đối với hoạt động ngoại khóa: việc tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, các hoạt động xã hội sẽ giúp SV có ý thức trong các phong trào chung, qua đó hình thành ở các em những phẩm chất tốt đẹp như sự bao dung, yêu thương, tôn trọng,... người khác. Nêu gương là phương pháp có sức thuyết phục và cảm hóa cao đối với SV trong các hoạt động như vậy.

4. Những hình thức giáo dục ĐĐNN cho SV

1) Thông qua việc dạy nghề, từ đó nhà trường cung cấp cho SV hệ thống những tri thức ĐĐ cần thiết trong nghề nghiệp; giúp các em nhận ra và phân biệt được các hiện tượng ĐĐ và hiện tượng phi ĐĐ đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày; biết phát huy, nhân rộng các hành vi ĐĐ phù hợp cũng như kìm hãm các hành vi chưa phù hợp chuẩn mực ĐĐ ở bản thân. Có tri thức ĐĐ, SV học nghề sẽ hình thành được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, làm cơ sở vững chắc cho xây dựng phẩm chất ĐĐ xã hội chủ nghĩa của các em.

Việc cung cấp tri thức ĐĐ là nhiệm vụ của tất cả các môn học lý thuyết nghề, thực hành nghề trong các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là đối với các môn khoa học xã hội.

2) Thông qua hoạt động, giao tiếp, thực tiễn nghề nghiệp. Thực tiễn nghề nghiệp sôi động với những biến đổi, thay đổi nhanh chóng trong yêu cầu công việc, trong công nghệ cũng như yêu cầu về phẩm chất ĐĐ, tác phong lao động,... cũng chính là môi trường rèn luyện sự thử thách, sức chịu đựng, khả năng thích ứng của người lao động,... Cho nên, việc cho SV học nghề được tham gia thực hiện các hoạt động, thâm nhập vào các mối quan hệ giao tiếp trong thực tiễn nghề nghiệp là một trong những con đường giáo dục các phẩm chất ĐĐNN vô cùng hữu ích cho các em và cả nhà trường cũng như toàn xã hội. Các nhà trường dạy nghề cần coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các em có cơ hội được tiếp xúc với thực tế nghề nghiệp thông qua việc tham gia các hoạt động nghề nghiệp cũng như các mối quan hệ nghề nghiệp.

3) Thông qua rèn luyện, tự rèn luyện, tự tu dưỡng nhằm khắc phục những nhận thức sai lầm, những thói quen và hành vi trái ĐĐ cũng như bồi

duỡng, củng cố những hành vi ĐĐ, thúc đẩy sự hoàn thiện nhân cách của bản thân. Khi có sự tự tu dưỡng, tự rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN của bản thân là khi đó con người đã chiếm lĩnh, làm chủ được những mục tiêu, phương pháp, phương tiện mà xã hội, tập thể, nhóm đã giáo dục mình và “chuyển hoá” những điều đó thành công cụ riêng để vận dụng vào sự phát triển ĐĐNN tiếp theo của chính mình. Lúc này, chủ thể đã bắt đầu xác lập được một hệ thống các quan điểm ĐĐ, niềm tin, nhu cầu ĐĐ (biểu thị ở bước đầu hình thành định hướng giá trị và tính sẵn sàng hành động ĐĐ) và tất cả những nét đó đều được vận hành, thực thi trong các hành vi ĐĐ mà sau mỗi lần đều được tự đánh giá, so sánh, đối chiếu bởi lương tâm, lòng tự trọng, danh dự,...

Sự hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐ của mỗi cá nhân là cả một quá trình lâu dài và phức tạp. Những người làm công tác giáo dục trong các trường nghề cần nắm vững mục đích, mục tiêu, phương pháp giáo dục giá trị ĐĐ cho SV học nghề để hướng dẫn, giúp đỡ và uốn nắn các em thực hiện các hành vi ĐĐNN một cách thường xuyên; tạo ra được những dư luận tập thể lành mạnh để đồng tình, ủng hộ những thói quen, hành vi ĐĐNN hoặc hướng dẫn, kiểm tra những tri thức, ĐĐ, niềm tin ĐĐ và hành vi ĐĐNN của mỗi SV; hướng dẫn, lập kế hoạch rèn luyện, tu dưỡng ĐĐ và chủ động phối kết hợp với gia đình, xã hội trong việc hình thành và rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN ở người học,.... □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Ngọc Uyên - Nguyễn Văn Hùng. **Tâm lý học nghề nghiệp**. Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hà Nội, 2005.
2. Nguyễn Đức Trí. **Giáo dục nghề nghiệp - một số vấn đề lý luận và thực tiễn**. NXB Khoa học xã hội, H. 2010.
3. Phạm Minh Hạc - Thái Duy Tuyên. **Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2012.
4. Thái Duy Tuyên. **Triết học giáo dục Việt Nam**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007.

SUMMARY

This article presents requirements, contents and methods of professional ethics education for students of vocational training schools in the Mekong river delta with a view to increasing the quality and effectiveness of local human resources, meeting the requirements of national industrialization and modernization.

Áp dụng mô hình can thiệp...

(Tiếp theo trang 19)

này đều hạn chế, chưa có kinh nghiệm, thiếu sự đào tạo bài bản cũng như sự hợp tác, chia sẻ giữa các TT, đặc biệt, sự tham gia của gia đình trẻ còn chưa thực sự hiệu quả...; - Ngành GD nước ta đã bắt đầu chú trọng hơn vào CTS cho trẻ KTTT nhưng còn thiếu nhiều TT CTS có phương pháp hiệu quả; - Phần lớn cán bộ các cơ sở, chuyên viên can thiệp chủ yếu là GV và cán bộ tâm lý, thiếu GV tri liệu về ngôn ngữ và hành vi...; - Sự phát triển mô hình CTS chủ yếu là mang tính hình thức và chỉ mới đáp ứng được một cách tương đối nhu cầu các gia đình; - Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa y tế và GD; - Chưa có sự quản lý thống nhất của cơ quan chức năng về nội dung, chất lượng khám, phát hiện và CTS của các TT.

2) Kiến nghị: Trên cơ sở áp dụng mô hình CTS của Châu Âu vào TT Sao Mai, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau: - Các bác sĩ, chuyên gia, GV cần được đào tạo nhiều hơn về phát hiện sớm và các hình thức CTS cho trẻ KTTT, có như vậy trẻ mới được chẩn trị và chăm chữa kịp thời; - Các TT thăm khám và điều trị CTS cần có sự tiếp cận y tế để chẩn đoán sớm và tư vấn tốt; - Nhà nước nên đầu tư mở các dịch vụ phù hợp cho thanh thiếu niên và người lớn KTTT để giúp họ tự lập và hòa nhập cộng đồng; - Cần có nhiều chương trình hỗ trợ gia đình có trẻ KTTT được tham gia vào các hoạt động xã hội, có sự tham gia của trẻ KTTT; - Nhà nước nên sớm có một chương trình CTS chuẩn, biên chế đội ngũ GV GDĐB trong các TT tư nhân và các cơ sở Nhà nước. □

Tài liệu tham khảo

1. Kỷ yếu hội thảo khoa học: “*Giáo dục đặc biệt Việt Nam kinh nghiệm và triển vọng*”. NXB Đại học sư phạm, H. 2012.
2. Đinh Nguyễn Trang Thu. “*Thực trạng hoạt động can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật ở một số cơ sở tại Hà Nội - Huế - Thành phố Hồ Chí Minh và bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản*”. Kỷ yếu hội thảo khoa học. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2012.

SUMMARY

Early intervention for children with disabilities in special education models are increasingly more interested in our country. Sao Mai Center is considered to be one of the first specialized center in Vietnam to apply this European model for 15 years and have gained remarkable achievements. The article introduces the outline on this model.